

Bản án số: 105/2024/DS-ST

Ngày: 19-7-2024.

V/v "Tranh chấp dân sự về
hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 263/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông A là anh **Nguyễn Vĩnh T**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số I, đường N, khóm C, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ngày 14/12/2022).

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1978;

Lê Thị H, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt; ông T1 và bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Á uỷ quyền cho anh Nguyễn Vĩnh T trình bày: Do có mối quan hệ mua bán lâu dài, ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H có mua thức ăn thủy sản của ông Nguyễn Văn Á nhiều lần. Đến ngày 03/4/2019, giữa ông Á với ông T1 và bà H tổng kết nợ và ông T1, bà H xác nhận số tiền còn nợ lại 110.700.000 đồng, lãi thỏa thuận 2%/tháng, hạn vốn và lãi là ngày 04/5/2019. Ông Nguyễn Văn Á yêu cầu ông T1 và bà H liên đới trả số tiền còn nợ lại là 110.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Qua đối chiếu sổ sách, ông Á xác định vào ngày 19/6/2022, ông T1 và bà H có thanh toán được một phần công nợ, hiện nay còn nợ lại số tiền 70.800.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Á xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất từ 2%/tháng xuống còn 0,83%/tháng. Nay ông Nguyễn Văn Á yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ lại là 70.800.000 đồng và yêu cầu tính 0,83%/tháng tính từ ngày 19/6/2022 cho đến giải quyết xong vụ kiện. Ngoài ra, ông Á không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:
- + Giấy nhận nợ ngày 03/4/2019 (bản chính).
- Các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Á về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H trả số tiền mua bán còn nợ lại là 70.800.000 đồng và tiền lãi 14.702.000 đồng (lãi tính từ ngày 19/6/2022 đến ngày 19/7/2024) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp

luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì ông Á không tranh chấp số tiền nào khác; trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về thời hiệu, xét thấy: Hợp đồng dân sự mua bán tài sản được xác lập vào ngày 03/4/2019, đồng thời không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Á về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán thức ăn thủy sản còn nợ lại 70.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng (tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Á xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất từ 2%/tháng xuống còn 0,83%/tháng; xét thấy việc xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Á về phần lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận, cụ thể: $70.800.000 \text{ đồng} \times 761 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 14.702.000 \text{ đồng}$), tổng cộng vốn và lãi là 85.502.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Theo giấy nhận nợ ngày 03/4/2019 ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H ký tên xác nhận nợ với ông Nguyễn Văn Á tổng cộng 110.700.000 đồng và đến ngày 19/6/2022 ông T1 và bà H có trả cho ông Á một phần, còn nợ lại số tiền 70.800.000 đồng. Nhiều lần, ông Á có đến gặp ông T1 và bà H để yêu cầu trả số tiền trên nhưng ông bà vẫn không trả. Do đó, việc ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H còn nợ ông Nguyễn Văn Á số tiền mua bán thức ăn thủy sản 70.800.000 đồng là có thật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 và bà H cũng không có ý kiến hay phản đối gì về việc khởi kiện của ông Á nên việc ông Á yêu cầu ông T1 và bà H trả số tiền 70.800.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về lãi: Xét thấy, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Á chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 19/6/2022 đến ngày 19/7/2024 với số tiền là 14.702.000 đồng ($70.800.000 \text{ đồng} \times 761 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 14.702.000 \text{ đồng}$) là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy tổng cộng vốn và lãi ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn Á là $70.800.000 \text{ đồng} + 14.702.000 \text{ đồng} = 85.502.000 \text{ đồng}$.

[7] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Á xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì ông Á không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Á về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 85.502.000 đồng, nên ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H phải liên đới chịu 4.275.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Á được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.767.000 đồng theo biên lai số 0001180 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 288, 357, 429, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Á.
- Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Á số tiền 85.502.000 đồng (T2 mươi lăm triệu năm trăm lẻ hai ngàn đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị H phải liên đới chịu 4.275.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.767.000 đồng theo biên lai số 0001180 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Đào);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hữu Chinh